

KẾ HOẠCH HỌC KỲ I
Năm học 2022-2023

Căn cứ Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 4088 /BGDĐT-GDTH ngày 25/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2022-2023;

Căn cứ Hướng dẫn số 1507/HD-SGDĐT- GDTH- GDMN, ngày 19/9/2022 của Sở GD&ĐT Đắk Lắk về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2022 - 2023.

Căn cứ Công văn số 1534/SGDĐT-VP, ngày 22/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về việc phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023 của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 232/PGDĐT-GDTH ngày 04/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 12b/KH-TH ngày 27/8/2022 của Trường Tiểu học Tô Hiệu về Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 20/KH-TH ngày 12/10/2022 của Trường Tiểu học Tô Hiệu về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, trường Tiểu học Tô Hiệu xây dựng kế hoạch học kỳ I năm học 2022 -2023, như sau:

I.TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ

Năm học 2022-2023 là năm học thứ ba ngành Giáo dục triển khai CTGDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (CTGDPT 2018) đối với lớp 1,2, 3 thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả,

đúng lộ trình;

Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1,2,3 từ năm học 2020-2021 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện chương trình đối với lớp 4 từ năm học 2023-2024. Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) từ lớp 4 đến lớp 5.

Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo đúng lộ trình; tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; thực hiện bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; tham gia bồi dưỡng 100% giáo viên dạy học lớp 4 theo dự kiến về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT, Sở GD&ĐT Đắk Lắk, phòng GD&ĐT thị xã và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 4 cho năm học 2023-2024.

Phát huy các thành tích đã đạt được trong năm học 2021-2022, tích cực khắc phục mọi khó khăn. Học kỳ I, năm học 2022-2023 trường tiểu học Tô Hiệu nỗ lực và quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ theo hướng chất lượng, hiệu quả với các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau đây:

II. NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

- Ngày tựu trường: Thực hiện theo công văn số 174/PGDDĐT- VP ngày 18 tháng 8 năm 2022 Về việc chuẩn bị tựu trường và khai giảng năm học 2022- 2023

- Phân công công tác chủ nhiệm lớp.

- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2022

- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2022 đến trước ngày 15/01/2023 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Chỉ đạo GV dạy theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học của từng môn học.

Chỉ đạo GV đánh giá thường xuyên, định kỳ đúng với TT30; TT22; TT/27 thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ đạo các khối và giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học của khối và cá nhân đúng với kế hoạch nhà trường.

- Chỉ đạo các khối xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

- Chỉ đạo thực hiện dạy học tài liệu địa phương tỉnh Đắk Lắk tích hợp vào một số môn học.

- “Dạy học theo hướng phân hóa đối tượng học sinh; tích cực hóa hoạt động người học”.

- Khai giảng năm học mới vào ngày 05/09/2022.

- Họp phụ huynh học sinh đầu năm học.

- Giáo viên và các lớp đăng ký thi đua của năm học.

- Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm học.

- Kiểm tra hồ sơ của giáo viên, đi dự giờ một số giáo viên.

- Thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường và GVĐG cấp thị xã.

- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.

- Thi văn nghệ chào mừng kỉ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt nam.

- Thi giao lưu tiếng Việt đối với HSĐTTS cấp trường lựa chọn đội chuẩn bị tham gia thị xã.

- Mở chuyên đề cấp trường và tổ khối theo kế hoạch.

- Thực hiện giảng dạy theo phương pháp bàn tay nặn bột (2 tiết/giáo viên)

- Thực hiện giảng dạy VHGT; Giáo dục kỹ năng sống; Giáo dục ngoài giờ lên lớp,...

- Thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng lực học tập tốt và phụ đạo học sinh chưa đạt về năng lực học tập.

- Duyệt đề Kiểm tra giữa kỳ I (khối 4&5); cuối kỳ I và tổ chức kiểm tra nghiêm túc.

- Thi trang trí lớp học thân thiện cấp trường.

* **Chỉ tiêu phấn đấu:**

* **Giáo viên:**

- 100 % giáo viên đảm bảo ngày giờ công, và có đủ hồ sơ khi nhà trường kiểm tra.

* **Giáo viên CNG:** + Cấp trường: Phấn đấu đạt 12/14.

+ Cấp thị xã: Phấn đấu tất cả GV đi thi đều được công nhận

* **Học sinh:**

+ **Phấn đấu các môn học và hoạt động giáo dục; năng lực và phẩm chất**

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT KHỐI LỚP 1, 2

| Nội dung | Sĩ số | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 | Ghi |
|----------|-------|-------|-------|-------|-----|
|----------|-------|-------|-------|-------|-----|

| | | Tổng số | Tỷ lệ | Tổng số | Tỷ lệ | Tổng số | Tỷ lệ | chú |
|--------------------------------------|--|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----|
| I. Năng lực cốt lõi | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| 1. Năng lực chung | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| <i>Tự chủ và tự học</i> | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Tốt | | 44 | 49,4 | 41 | 48% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 45 | 50,6 | 39 | 46% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 5 | 6% | 0 | 0 | |
| <i>Giao tiếp và hợp tác</i> | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Tốt | | 44 | 49,4 | 42 | 49% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 45 | 50,6 | 38 | 45% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 5 | 6% | 0 | 0 | |
| <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i> | | 89 | 100 | 85 | | 84 | 100 | |
| Tốt | | 44 | 49,4 | 42 | 49% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 45 | 50,6 | 38 | 45% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 5 | 6% | 0 | 0 | |
| 2. Năng lực đặc thù | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| <i>Ngôn ngữ</i> | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Tốt | | 37 | 41,6 | 42 | 49% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 52 | 58,4 | 38 | 45% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 5 | 6% | 0 | 0 | |
| <i>Tính toán</i> | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Tốt | | 37 | 41,6 | 42 | 49% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 52 | 58,4 | 38 | 45% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 5 | 6% | 0 | 0 | |
| <i>Khoa học</i> | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Tốt | | 44 | 49,4 | 43 | 50,6% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 45 | 50,6 | 42 | 49,4% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| <i>Thẩm mĩ</i> | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Tốt | | 44 | 49,4 | 43 | 50,6% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 45 | 50,6 | 42 | 49,4% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| <i>Thể chất</i> | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Tốt | | 44 | 49,4 | 43 | 50,6% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 45 | 50,6 | 42 | 49,4% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| II. Phẩm chất chủ yếu | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| <i>Yêu nước</i> | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Tốt | | 46 | 51,7 | 44 | 52% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 43 | 48,3 | 41 | 48% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| <i>Nhân ái</i> | | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |

| | | | | | | | | |
|--------------------|--|-----------|------------|-----------|-----|-----------|------------|--|
| Tốt | | 46 | 51,7 | 44 | 52% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 43 | 48,3 | 41 | 48% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| Chăm chỉ | | 89 | 100 | 85 | | 84 | 100 | |
| Tốt | | 46 | 51,7 | 44 | 52% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 43 | 48,3 | 41 | 48% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| Trung thực | | 89 | 100 | 85 | | 84 | 100 | |
| Tốt | | 46 | 51,7 | 44 | 52% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 43 | 48,3 | 41 | 48% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| Trách nhiệm | | 89 | 100 | 85 | | 84 | 100 | |
| Tốt | | 46 | 51,7 | 44 | 52% | 41 | 48 | |
| Đạt | | 43 | 48,3 | 41 | 48% | 43 | 52 | |
| Cần cố gắng | | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| | | | | 0 | 0 | | | |

*** CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT KHỐI LỚP 4 và 5**

| Nội dung | Số | Lớp 4 | | Lớp 5 | | Ghi chú |
|------------------------------------|------------|-----------|------------|-----------|------------|---------|
| | | Tổng số | Tỷ lệ | Tổng số | Tỷ lệ | |
| 1. Năng lực | | | | | | |
| Tự phục vụ tự quản | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Tốt | 80 | 44 | 59.46 | 36 | 43,9% | |
| Đạt | 76 | 30 | 40.54 | 46 | 56,1% | |
| Cần cố gắng | | 0 | | 0 | | |
| Hợp tác | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Tốt | 80 | 44 | 59.46 | 36 | 43,9% | |
| Đạt | 76 | 30 | 40.54 | 46 | 56,1% | |
| Cần cố gắng | | | | 0 | | |
| Tự học và giải quyết vấn đề | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Tốt | 80 | 44 | 59.46 | 36 | 43,9% | |
| Đạt | 76 | 30 | 40.54 | 46 | 56,1% | |
| Cần cố gắng | | | | 0 | | |
| 2. Phẩm chất | | | | | | |
| Chăm học chăm làm | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Tốt | 73 | 37 | 50 | 36 | 43,9% | |
| Đạt | 83 | 37 | 50 | 46 | 56,1% | |
| Cần cố gắng | | | | 0 | | |
| Tự tin trách nhiệm | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Tốt | 73 | 37 | 50 | 36 | 43,9% | |
| Đạt | 83 | 37 | 50 | 46 | 56,1% | |
| Cần cố gắng | | | | 0 | | |

| | | | | | | |
|----------------------------|------------|-----------|------------|-----------|------------|--|
| Trung thực kỷ luật | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Tốt | 73 | 37 | 50 | 36 | 43,9% | |
| Đạt | 83 | 37 | 50 | 46 | 56,1% | |
| Cần cố gắng | | | | 0 | | |
| Đoàn kết yêu thương | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Tốt | 73 | 37 | 50 | 36 | 43,9% | |
| Đạt | 83 | 37 | 50 | 46 | 56,1% | |
| Cần cố gắng | | | | 0 | | |

*** CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 1 VÀ 2**

| Các môn học và HĐGD | Số | Lớp 1 | | Lớp 2 | | Lớp 3 | | Ghi chú |
|---------------------------------|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|---------|
| | | Tổng số | Tỷ lệ | Tổng số | Tỷ lệ | Tổng số | Tỷ lệ | |
| I. Kết quả học tập | 258 | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| 1. Tiếng Việt | 258 | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 70 | 26 | 29,2 | 23 | 27% | 21 | 25 | |
| Hoàn thành | 176 | 60 | 67,4 | 57 | 67% | 59 | 70,2 | |
| Chưa hoàn thành | 12 | 3 | 3,4 | 5 | 6% | 4 | 4,8 | |
| 2. Toán | 258 | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 70 | 26 | 29,2 | 23 | 27% | 21 | 25 | |
| Hoàn thành | 176 | 60 | 67,4 | 57 | 67% | 59 | 70,2 | |
| Chưa hoàn thành | 12 | 3 | 3,4 | 5 | 6% | 4 | 4,8 | |
| 3. Đạo đức | 258 | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 74 | 27 | 30,3 | 26 | 31% | 21 | 25 | |
| Hoàn thành | 184 | 62 | 69,7 | 59 | 69% | 63 | 75 | |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| 4. Tự nhiên và Xã hội | 258 | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 73 | 26 | 29,2 | 26 | 31% | 21 | 25 | |
| Hoàn thành | 185 | 63 | 70,8 | 59 | 69% | 63 | 75 | |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| 5. Nghệ thuật (Âm nhạc) | 258 | 89 | 100 | 85 | | 84 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 73 | 27 | 30,3 | 25 | 30% | 21 | 25 | |
| Hoàn thành | 185 | 62 | 69,7 | 60 | 70% | 63 | 75 | |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| 6. Nghệ thuật (Mỹ thuật) | 258 | 89 | 100 | 85 | | 84 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 73 | 27 | 30,3 | 25 | 30% | 21 | 25 | |
| Hoàn thành | 185 | 62 | 69,7 | 60 | 70% | 63 | 75 | |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| 7. Hoạt động trải nghiệm | 258 | 89 | 100 | 85 | | 84 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 74 | 28 | 31,5 | 25 | 30% | 21 | 25 | |
| Hoàn thành | 184 | 61 | 68,5 | 60 | 70% | 63 | 75 | |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |

| | | | | | | | | |
|---------------------------------|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|--|
| 8. Giáo dục thể chất | 258 | 89 | 100 | 85 | | 84 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 74 | 28 | 31,5 | 25 | 30% | 21 | 25 | |
| Hoàn thành | 184 | 61 | 68,5 | 60 | 70% | 63 | 75 | |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | |
| II. Đánh giá KQGD | 258 | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| - Hoàn thành xuất sắc | 45 | 15 | 16,9 | 13 | 15% | 17 | 20 | |
| - Hoàn thành tốt | 32 | 11 | 12,3 | 10 | 12% | 11 | 13,1 | |
| - Hoàn thành | 169 | 60 | 67,4 | 57 | 67% | 52 | 62,1 | |
| - Chưa hoàn thành | 12 | 3 | 3,4 | 5 | 6% | 4 | 4,8 | |
| III. Khen thưởng | 73 | 30 | | 26 | | 17 | | |
| - Giấy khen cấp trường | 66 | 26 | 29,2 | 23 | 27% | 17 | 20 | |
| - Giấy khen cấp trên | 7 | 4 | 4,5 | 3 | 3,5% | | | |
| IV. Chương trình lớp học | 258 | 89 | 100 | 85 | 100 | 84 | 100 | |
| Hoàn thành | 246 | 86 | 96,6 | 80 | 94% | 80 | 95,2 | |
| Chưa hoàn thành | 12 | 3 | 3,4 | 5 | 6% | 4 | 4,8 | |

*** CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 4 VÀ 5**

| Các môn học và HĐGD | Số | Lớp 4 | | Lớp 5 | | Ghi chú |
|---------------------------|------------|-----------|-------|---------|-------|---------|
| | | Tổng số | Tỷ lệ | Tổng số | Tỷ lệ | |
| I. Kết quả học tập | | | | | | |
| 1. Tiếng Việt | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 36 | 20 | 27 | 16 | 19,5% | |
| Hoàn thành | 120 | 54 | 73 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |
| 2. Toán | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 35 | 19 | 25,7 | 16 | 19,5% | |
| Hoàn thành | 121 | 55 | 4,37 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |
| 3. Đạo đức | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 47 | 31 | 41,9 | 16 | 19,5% | |
| Hoàn thành | 109 | 43 | 58,1 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |
| 4. TN & XH | | | | | | |
| Hoàn thành tốt | | | | | | |
| Hoàn thành | | | | | | |
| Chưa hoàn thành | | | | | | |
| 5. Khoa học | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 42 | 26 | 35,1 | 16 | 19,5% | |
| Hoàn thành | 114 | 48 | 64,9 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |
| 6. LS & ĐL | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 43 | 27 | 36,5 | 16 | 19,5% | |

| | | | | | | |
|------------------------------|------------|-----------|------|----|-------|--|
| Hoàn thành | 113 | 47 | 63.5 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |
| 7. Âm nhạc | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 43 | 27 | 36.5 | 16 | 19,5% | |
| Hoàn thành | 113 | 47 | 63.5 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |
| 8. Mĩ thuật | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 36 | 20 | 27 | 16 | 19,5% | |
| Hoàn thành | 120 | 54 | 73 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |
| 9. Thủ công, Kĩ thuật | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 43 | 27 | 36.5 | 16 | 19,5% | |
| Hoàn thành | 113 | 47 | 63.5 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |
| 10. Thể dục | 156 | 74 | 100 | 82 | | |
| Hoàn thành tốt | 43 | 27 | 36.5 | 16 | 19,5% | |
| Hoàn thành | 113 | 47 | 63.5 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |
| 11. Ngoại ngữ | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 36 | 20 | 27 | 16 | 19,5% | |
| Hoàn thành | 120 | 54 | 73 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |
| 12. Tin học | 156 | 74 | 100 | 82 | 100 | |
| Hoàn thành tốt | 36 | 20 | 27 | 16 | 19,5% | |
| Hoàn thành | 120 | 54 | 73 | 66 | 80,5% | |
| Chưa hoàn thành | | | | 0 | | |

III. CÁC ĐOÀN THỂ

1. Công đoàn

Phối hợp nhà trường làm tốt công tác chăm sóc, giáo dục đội ngũ. Tổ chức phát động các phong trào thi đua và vận động CBGV CNV trong nhà trường tham gia tốt các phong trào thi đua, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do ngành, trường và địa phương tổ chức. Phối hợp với nhà trường tổ chức tốt hội nghị CBVC đầu năm. Tham gia giám sát và bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho đoàn viên. Tham gia vào công tác quản lý đảm bảo việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

2. Chi đoàn

Ổn định, đại hội Chi đoàn; phối hợp với chuyên môn thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt, tham gia viết SKKN trong đội ngũ đoàn viên, tham gia có hiệu quả các phong trào do ngành, trường, địa phương tổ chức. Cùng với BGH nhà trường bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện đoàn viên. Phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, cùng với Liên đội tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh.

3. Liên đội

Ổn định, đại hội Liên đội; Tổ chức tốt các phong trào thi đua trong học tập, phối hợp tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá trong nhà trường, vận động học sinh tham gia tốt các hoạt động xã hội, tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh. Đặc biệt tổ chức văn nghệ chào mừng Kỉ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam. Xây dựng và bồi dưỡng các đội tuyển nghi thức đội, đội trống, đội cờ, có trách nhiệm tổ chức tốt các tiết sinh hoạt dưới cờ đầu tuần. Duy trì và phát động phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, tuyên truyền giáo dục pháp luật trong học sinh. Tổ chức bồi dưỡng đội viên, thực hiện tốt kế hoạch hoạt động đội của hội đồng đội. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo kế hoạch nhà trường.

4. Thư viện –Thiết bị- Cơ sở vật chất

- Tiếp tục đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, sách tham khảo cho GV và HS.
- Duy trì Thư viện chuẩn.
- Mở sổ cho GV mượn đồ dùng dạy học và các tài liệu liên quan.
- Sắp xếp lại thư viện cho khoa học, đoán đoán kiểm tra thư viện chuẩn về đánh giá.
- Tăng cường công tác tuyên truyền giới thiệu sách đọc sách đối với giáo viên và học sinh.
- Theo dõi và kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học đối với GV ở tất cả các điểm trường.
- Thực hiện hồ sơ sổ sách theo quy định.
- Tham mưu với hội cha mẹ học sinh tu sửa, xây dựng một số hạng mục ở điểm trường chính và các điểm lẻ.

5. Tài vụ

- Thực hiện chế độ chi trả kịp thời cho CBGV- NV.
- Lập kế hoạch chi tiêu phù hợp, đúng mục đích.
- Làm hồ sơ xét nâng lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên đúng kỳ hạn.
- Kịp thời cấp VPP cho GV và các bộ phận liên quan.
- Bảo vệ ngân sách năm 2023.
- Mua bàn ghế bổ sung cho học sinh và bàn giáo viên. Mua sắm loa, tủ đựng hồ sơ cho nhà trường và các bộ phận.

6. Văn thư

- Nộp báo cáo kịp thời cho các cấp, cập nhật kịp thời các số liệu báo cáo đầy đủ chính xác, tăng cường nâng cấp bổ sung sửa chữa mạng để kết nối kịp thời trao đổi thông tin 2 chiều; hoàn thành cập nhật sổ đăng bộ.

7. Y tế

- Thương xuyên chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho CBGV,NV và học sinh; tuyên truyền giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Phát động 100% HS tham gia mua bảo hiểm y tế theo quy định.

- Thực hiện phòng chống dịch Covid 19 theo hướng dẫn của các cấp.

- Thực hiện khám chữa bệnh lần đầu cho CBGV,NV và học sinh theo định kỳ.

IV. CÁC PHONG TRÀO KHÁC

- Tổ chức Hội diễn văn nghệ chào mừng kỉ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt năm (20/11/1982- 20/11/2022)

- Thành lập ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch hoạt thực hiện tốt các phong trào do ngành phát động.

- Tham mưu với chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh đầu tư cơ sở vật chất cho trường.

- Phát động CB,GV-NV tham gia tốt các cuộc vận động do ngành và địa phương phát động.

- Thương xuyên kiểm tra đôn đốc tiến độ thực hiện các kế hoạch trong năm học.

V. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá rút kinh nghiệm, lên kế hoạch và biện pháp thực hiện tháng, tuần cụ thể.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc dạy và học của giáo viên cũng như học sinh.

- Tăng cường đi dự giờ để kịp thời chấn chỉnh phương pháp giảng dạy của giáo viên cho phù hợp với đối tượng học sinh.

- Sắp xếp chuyên môn hợp lý, lựa chọn GV có năng lực dạy các lớp cuối cấp.

- Chỉ đạo tổ khối, giáo viên hàng tháng đánh giá, lên kế hoạch và biện pháp thực hiện.

- Thường xuyên quán triệt tới CB,GV các Chỉ thị- Nghị quyết để tất cả kịp thời nắm bắt.

- Chỉ đạo GV thường xuyên theo dõi kế hoạch nhà trường và lên kế hoạch,

biện pháp để thực hiện.

- Tham gia đầy đủ các đợt sinh hoạt chuyên môn do trường và cấp trên mở; đi dự giờ đúc rút kinh nghiệm.

- Tạo ra một môi trường học tập có lợi nhất cho học sinh: học sinh cảm thấy thoải mái, vui vẻ, ham học. Học sinh được tôn trọng, được thừa nhận và cảm thấy mình có giá trị; thấy rõ trách nhiệm của mình. Học sinh tích cực khám phá, liên tục trải nghiệm và tích cực tương tác với giáo viên, nhóm bạn. nỗ lực đạt thành tích học tập tốt nhất.

- Nhà trường tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ công tác đổi mới phương pháp dạy học “dạy ít hơn để học nhiều hơn” và các hoạt động liên quan như: tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, động viên khen thưởng các khối, cá nhân có thành tích. Tăng cường chỉ đạo đổi mới kiểm tra, đánh giá thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học thông qua bồi dưỡng giáo viên, dự giờ rút kinh nghiệm ở các tổ khối và đoàn thể. Tổ chức hội thảo cấp trường để trao đổi sáng kiến kinh nghiệm về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá .

- Thông qua các tổ chức trong nhà trường, tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo nội dung của phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” nhằm đảm bảo tính linh hoạt về hình thức dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá, rèn luyện kỹ năng hoạt động xã hội cho học sinh.

- Thường xuyên nắm vững tình hình thực hiện của giáo viên về đổi mới kiểm tra đánh giá các môn học và hoạt động giáo dục, lồng ghép nội dung kiểm tra với hoạt động thanh tra chuyên môn. Có giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá và ứng dụng trong công tác quản lý chuyên môn.

- Ban giám hiệu cùng tổ trưởng chuyên môn tăng cường công tác dự giờ đột xuất để đánh giá, kiểm chứng thực tế giảng dạy của giáo viên như: Tiến độ thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp dạy học, chất lượng giảng dạy của giáo viên và học sinh, việc sử dụng đồ dùng dạy học .

- Làm tốt công tác thi đua khen thưởng giáo viên: Khuyến khích động viên khen thưởng kịp thời những giáo viên có thành tích trong công tác giảng dạy, đồng thời kiên quyết xử lý kỷ luật những giáo viên vi phạm quy chế chuyên môn.

- Dựa vào các điều kiện kinh tế xã hội của địa phương mà tích cực huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường trong tương lai theo hướng chuẩn quốc gia, phát huy tốt nội lực, tranh thủ sự đồng thuận của chính quyền địa

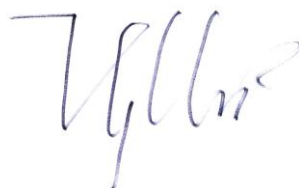
phương và nhân dân, thực hiện tốt chương trình xã hội hoá giáo dục.

Trên đây là kế hoạch học kỳ I năm học 2022- 2023. Đề nghị chuyên môn, các tổ khối, các bộ phận nghiên cứu và triển khai thực hiện một cách nghiêm túc và có hiệu quả.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để B/c);
- CM, KT, GV (để t/hiện);
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Minh

